

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

• **TS. PHAN VIỆT HOA - BÙI THANH XUÂN**
Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

1. Đặt vấn đề

Học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) là lứa tuổi chuẩn bị bước vào đời, với bước ngoặt quan trọng như học tiếp lên cao đẳng, đại học, học nghề, hoặc tham gia trực tiếp vào thị trường lao động ngay sau khi ra trường. Vì vậy, song song với việc cung cấp cho các em những hành trang tri thức cần thiết, giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho các em là một yêu cầu hết sức quan trọng để bảo đảm cho mỗi bạn trẻ có khả năng trở thành những công dân tích cực và có trách nhiệm của xã hội.

Một trong những con đường GDĐĐ cho HS là GDĐĐ qua hoạt động văn hóa nghệ thuật (HĐ VHNT). HĐ VHNT trong nhà trường phổ thông là hoạt động giáo dục được tổ chức theo nguyên tắc và phương thức sư phạm nhằm mục tiêu giáo dục nhân cách học sinh, đặc biệt mặt thẩm mỹ trong nhân cách học sinh. Hoạt động này sử dụng đặc trưng của các loại hình nghệ thuật và văn hoá với tư cách là phương tiện giáo dục, phát triển con người. Nét đặc thù của HĐVHNT trong nhà trường thể hiện ở xúc cảm, tình cảm, đặc biệt ở thị hiếu thẩm mỹ ở HS trong quá trình trải nghiệm, sáng tạo thẩm mỹ.

Xuất phát từ mối tương quan giữa đạo đức và nghệ thuật - mối tương quan được quy định bởi sự thống nhất giữa tư tưởng về cái thiện và tưởng về cái đẹp. Nghệ thuật chân chính tác động tới thế giới tinh thần của con người, làm cho đạo đức, thị hiếu và lí trí giàu có hơn, phát triển hơn. Bởi thế, việc tổ chức tốt HĐVHNT trong nhà trường chính là những tác động thuận lợi đặc biệt đến sự trải nghiệm tình cảm đạo đức, thực hiện hành vi đạo đức ở HS.

2. Một vài thực trạng về các HĐVHNT trong nhà trường THPT hiện nay

Điều tra trên 505 HS tại các tỉnh, thành phố Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Tây, Thanh Hóa cho thấy:

Về hứng thú của HS đối với 24 thể loại VHNT khác nhau:

- Số HS rất thích ca nhạc trẻ chiếm tỉ lệ cao nhất (57,23%), tiếp theo đó là phim kiếm hiệp (34,46%); ca nhạc quốc tế (32,08%); ca nhạc

Việt Nam (31,29%).

- Số HS thích ca nhạc Việt Nam chiếm tỉ lệ cao nhất (48,51%), tiếp theo là xiếc (37,23%); truyện thiếu nhi (37,03%); ca khúc cách mạng (34,46%); phim tâm lí xã hội (34,46%); văn học dân gian (32,67%).

- Số HS không thích nghệ thuật tuồng chiếm tỉ lệ cao nhất (65,94%), tiếp đó là cải lương (55,45%); chèo (49,90%); kịch câm (49,09%); phim bạo lực (43,56%); kịch nói (40,79%); múa dân gian (38,42%); nhạc vàng (36,63%); khiêu vũ (33,27%).

- So sánh thái độ của HS đối với từng thể loại VH- NT giữa các vùng, ta thấy về cơ bản tình hình cũng tương tự như nhau, chỉ có một vài khác biệt nhỏ. Ví dụ ở miền núi số HS rất thích và thích ca nhạc Việt Nam lên tới 91,43%; số HS rất thích và thích truyện thiếu nhi nhiều hơn các vùng khác (64,76%); đáng chú ý là ở nông thôn số HS không thích nghệ thuật tuồng lên tới 81,82%.

Như vậy, có thể thấy số đông HS có hứng thú với các thể loại VHNT như nhạc trẻ, ca nhạc Việt Nam và quốc tế, xiếc, truyện thiếu nhi, phim kiếm hiệp..., song cũng có tới gần 40% số HS thích một số thể loại VHNT không phù hợp với lứa tuổi (như nhạc vàng, phim bạo lực...). Bên cạnh đó, có tới 40% số HS không thích các thể loại VHNT truyền thống như tuồng, chèo, cải lương (tỉ lệ này ở nông thôn lên tới 81,8%), trong khi số các em thích "phim kiếm hiệp, truyện kiếm hiệp" lần lượt là 62% và 45%.

Để cập đến lí do của việc thích hay không thích những thể loại VHNT nhất định, đa số các em cho rằng mình thích thể loại đó vì nó phù hợp với tính cách, sở thích riêng của mình; vì chúng vui nhộn, sinh động, phù hợp lứa tuổi; vì chúng dễ tham gia, không tốn kém nhiều tiền bạc. Điều đáng chú ý là khi được hỏi cụ thể hơn về lí do vì sao HS thích những HĐVHNT do nhà trường tổ chức, thì ngoài các lí do tương tự như trên, một lí do khác được nhiều em lựa chọn là "vì nhà trường cũng chỉ có những hoạt động đó". Điều

này cho thấy thực tế là các HĐVHNT trong nhà trường còn chưa thỏa mãn được nhu cầu thưởng thức và hoạt động đa dạng của HS, nên đôi khi các em tham gia chỉ vì không còn sự lựa chọn nào khác. Những lí do không thích được nhiều HS đưa ra (VD đối với các thể loại VHNT truyền thống như tuồng, chèo...) là: "vì buồn tẻ, không hấp dẫn" (65%), hoặc "vì quá khó, em không hiểu" (52%).

Khi được hỏi về mức độ được tham gia các HĐVHNT do nhà trường tổ chức, nhìn chung HS trả lời còn rất ít được tham gia, nhất là đối với các hoạt động sôi nổi, hấp dẫn mà nhiều em ưa thích: chỉ có 8% các em trả lời "thường xuyên" được tham gia các hoạt động mà chúng tôi liệt kê; 32% trả lời "thỉnh thoảng", và 54% trả lời "chưa bao giờ được tham gia". Về mức độ hứng thú đối với các HĐVHNT do nhà trường tổ chức, số liệu cho thấy nhìn chung HS có thái độ bình thường (41,5%); chỉ có 28,4% HS "thích các hoạt động đó", và 23% HS trả lời "không thích". Điều này chứng tỏ tác động của các hoạt động VHNT mà nhà trường tổ chức còn mờ nhạt, chưa khơi dậy được sự quan tâm và tham gia thật sự của HS.

Ngoài ra, nhiều HS còn bày tỏ nguyện vọng được tham gia vào các HĐVHNT khác mà nhà trường ít khi hoặc chưa bao giờ tổ chức, như: dạ hội hoá trang; chương trình âm nhạc theo yêu cầu vào giờ nghỉ; thi khéo tay; câu lạc bộ nghệ thuật (múa, khiêu vũ, kịch...); v.v. Đây cũng là điều các nhà trường cần lưu tâm khi lựa chọn, tổ chức, huy động sự tham gia của HS vào các HĐVHNT. Tập trung được đông đảo HS tham gia vào một hoạt động nào đó là điều tốt, song bên cạnh đó cũng cần quan tâm đến nhu cầu của những nhóm đối tượng đặc trưng để đảm bảo cho mọi HS đều được phát huy mặt mạnh của mình và thể hiện những nét phong phú, nổi trội của cá tính.

Vài nét khái quát về thực trạng nói trên cho thấy, việc sử dụng các HĐVHNT nhằm GDĐĐ cho HS THPT chưa phát huy hết hiệu quả của nó và chưa mang tính thuyết phục cao đối với HS. Một khi các em chưa cảm thụ được cái hay, cái đẹp của một HĐVHNT được tổ chức, thì khó có thể nghĩ tới những tác động sâu xa hơn về khía cạnh GDĐĐ, nhân văn. Mặt khác, để HĐVHNT đó đạt được hiệu quả, xét về khía cạnh giáo dục toàn diện cũng như GDĐĐ nói riêng, thì bản thân HS cần phải được tham gia nhiều hơn, sâu hơn vào việc tổ chức, tự sáng tác, tự biểu diễn hoạt động với sự hướng dẫn và trợ giúp của thầy cô; thay vì chỉ là những người thưởng thức thụ động. Bởi chính trong quá trình tự mình tham gia vào các khâu của hoạt động, các em mới có cơ hội tập được những khả năng của bản thân; chúng tôi nhận thấy thế mạnh của mình, đồng thời

phát huy hết những phẩm chất đạo đức quan trọng trong hoạt động tập thể như tinh thần đồng đội, tinh hợp tác, tương trợ...

3. Đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả GDĐĐ của các loại hình VHNT trong nhà trường THPT

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của HĐVHNT đối với việc GDĐĐ cho HS THPT và những yếu tố đáng chú ý khi tìm hiểu thực trạng việc tổ chức HĐVHNT trong nhà trường, chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐ của các HĐVHNT trong nhà trường như sau:

3.1. Nâng cao nhận thức về tác động và hiệu quả to lớn của các HĐVHNT đối với việc GDĐĐ HS cho lãnh đạo nhà trường và các giáo viên (GV) chuyên trách. Bản thân lãnh đạo nhà trường và những GV chuyên trách phải nhận thức rõ hơn ai hết về tầm quan trọng và tác dụng sâu sắc của các HĐVHNT trong việc GDĐĐ cho HS thì mới tạo điều kiện cho những hoạt động này được phát triển và được hưởng ứng rộng rãi trong nhà trường.

3.2. Cung cấp cho nhà trường hướng dẫn cụ thể, dễ thực hiện về việc tổ chức các loại hình HĐVHNT đa dạng, có tác dụng GDĐĐ to lớn. Những hướng dẫn này có thể dưới dạng cẩm nang tổ chức HĐVHNT trong nhà trường, hoặc những bộ tài liệu hướng dẫn dành riêng cho GV, với những mô hình mẫu, những thông điệp GDĐĐ cụ thể của từng mô hình để người tổ chức tham khảo. Nếu có điều kiện, lãnh đạo nhà trường và các GV phụ trách hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cần được tập huấn về cách thực hiện các hoạt động đó một cách hiệu quả, tăng cường sự tham gia tích cực của HS không chỉ trong thưởng thức hoạt động mà cả trong quá trình thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động.

3.3. Đào tạo, bồi dưỡng các GV, cán bộ chuyên trách có khả năng và nhiệt tình trong việc tổ chức các HĐVHNT nhằm GDĐĐ cho HS. Những cán bộ, GV này cần được tạo điều kiện tham gia những lớp huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ, được tiếp cận nhiều hơn, sâu hơn với các loại hình HĐVHNT đa dạng để có cơ hội nâng cao hiểu biết, kĩ năng thực hành và giới thiệu chúng với HS. Tuy điều kiện từng nơi, những cán bộ, GV này cũng cần được học hỏi và huấn luyện về kĩ năng làm việc hiệu quả với trẻ em lứa tuổi vị thành niên, từ đó có khả năng khơi dậy sức mạnh và lòng nhiệt tình ở các em, giúp cho việc thiết kế, tổ chức các HĐVHNT thêm sinh động, hấp dẫn, phù hợp hơn với nhu cầu và hứng thú của HS.

3.4. Tăng cường sự phối hợp, cộng tác với các đơn vị tổ chức, biểu diễn nghệ thuật và các

cơ quan, doanh nghiệp để HS được tiếp cận nhiều hơn với những sân chơi VHNT phong phú, hấp dẫn. Việc thiết lập và duy trì được mối quan hệ tốt với các đơn vị, cơ quan hoạt động về lĩnh vực VHNT ngoài nhà trường không chỉ tạo điều kiện cho HS được tham gia nhiều hơn vào các loại hình HĐVHNT bổ ích, lí thú mà còn mở ra cơ hội cho GV nhà trường được tiếp cận, học hỏi những mô hình HĐVHNT mới, những kĩ thuật tổ chức, thực hiện hiệu quả. Tại Hà Nội, mô hình "Sân khấu kịch tương tác về sức khỏe sinh sản vị thành niên" do một nhóm HS của Trung tâm giáo dục thường xuyên quận Ba Đình thực hiện dưới sự trợ giúp kĩ thuật của Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam là một ví dụ về sự liên kết thành công này.

3.5. Tạo điều kiện tốt hơn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và huy động nguồn kinh phí cho việc tổ chức các HĐVHNT trong nhà trường. Đây luôn được xem như những khó khăn "muôn thuở" và không dễ khắc phục đối với các nhà trường. Song bên cạnh đó, cũng phải thấy rằng có những trường chưa thực sự chú trọng phát huy hết khả năng của mình trong việc huy động sự tham gia của xã hội và các cơ quan, đoàn thể, của các bậc cha mẹ HS cùng trợ giúp nhà trường. Có những HĐVHNT đòi hỏi sự chuẩn bị công phu, kĩ lưỡng về trang thiết bị, phương tiện, song bên cạnh đó cũng có những hoạt động hoàn toàn có thể được thực hiện với những phương tiện, hình thức đơn giản nằm trong khả năng của nhà trường, HS và phụ huynh HS. Điều quan trọng là người tổ chức biết cách huy động sự tham gia và đóng góp hữu ích của các lực lượng đó.

Giáo dục thẩm mỹ và GDĐĐ là hai mặt quan trọng tạo nên nhân cách toàn diện của con người, đồng thời có mối liên hệ mật thiết. Tổ chức được những HĐVHNT có ý nghĩa giáo dục sâu sắc không những có tác dụng nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ của HS mà còn giúp bồi dưỡng cho các em những tình cảm đạo đức trong sáng, lành mạnh làm tiền đề cho sự phát triển hoàn thiện của nhân cách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo khảo sát thực trạng hoạt động văn hóa nghệ thuật ở trường THPT (Đề tài B60-2003)

SUMMARY

The author portrays the status quo of the current artistic and cultural activities in upper secondary schools on which basis to suggest some solutions to enhance the effectiveness of moral education for general school children.

MỘT SỐ CÁCH ĐỊNH NGHĨA...

(Tiếp theo trang 34)

bài báo của mình [2], vấn đề xấp xỉ trong Giải tích luôn đặt ra nhiều khó khăn và chướng ngại cho tiếp thu của HS.

* ĐN theo quan điểm đại số hóa:

Định nghĩa TT được cho một cách trực tiếp và hình thức: TT của đồ thị (C) của hàm số $y = f(x)$ tại điểm $M_0(x_0, f(x_0))$ là đường thẳng đi qua điểm M_0 và có hệ số góc $k = f'(x_0)$.

Về hình thức, ĐN theo tư tưởng xấp xỉ và ĐN theo tư tưởng đại số hóa có vẻ giống nhau. Tuy nhiên, bản chất của chúng rất khác nhau. ĐN theo tư tưởng đại số hóa không cho phép làm rõ mối quan hệ "xấp xỉ" giữa đồ thị hàm số và TT. Tuy nhiên, so với các kiểu ĐN trên, ĐN này có ưu điểm là chính xác về mặt khoa học và đơn giản về trình bày.

Khuyết điểm đầu tiên dễ nhận ra của ĐN khái niệm TT theo tư tưởng đại số hóa là: KN rất trừu tượng và chỉ có nghĩa hình thức. Để khắc phục khiếm khuyết này, sau khi trình bày ĐN, người ta thường đưa ra những hoạt động qua đó HS có dịp quan sát trực tiếp mối quan hệ giữa đồ thị và TT với đồ thị của một vài hàm số đơn giản, được vẽ trong cùng một hệ trục tọa độ.

Lời kết: Những trình bày ở trên có thể gọi ra một vài ý tưởng cho việc biên soạn chương trình và sách giáo khoa. Đối với GV, ta có thể tận dụng những cơ hội khác nhau trong quá trình dạy học để làm cho HS hiểu rõ hơn bản chất của khái niệm TT qua việc tìm hiểu đặc trưng của nó trên cả ba phương diện: Đại số (phương trình và hệ số góc), Giải tích (vấn đề xấp xỉ) và Hình học (hình ảnh trực quan).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Văn Tiến, Trần Vũ Đức. Lịch sử hình thành và phát triển của khái niệm tiếp tuyến. Tạp chí khoa học, ĐHSP tp.HCM, số 38/2004.
- [2]. Lê Văn Tiến. Các quan điểm khác nhau về giảng dạy Giải tích ở trường phổ thông. Tạp chí NCGD số chuyên đề quý 1/2000 và số 3/2000.

SUMMARY

The author gives three definitions of the concept of tangential line at the upper secondary education level on which basis to raise suggestions to help enable curriculum and textbook developers and teachers to apply various opportunities to the teaching-learning process to help students understand the very nature of this concept through studying its typical characteristics in the areas of algebra, analytic and geometry.